

Số: 94/CK-THCS

Yên Sơn, ngày 26 tháng 06 năm 2025

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN
NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT Quy định về công khai hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ngày 03/06/2024 của Bộ giáo dục và đào tạo.

Căn cứ Kế hoạch năm học 2024- 2025;

Trường THCS Yên Sơn công khai các hoạt động của nhà trường trong năm học 2024 - 2025 như sau:

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1. CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Yên Sơn, thôn Yên Trung, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp.

Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Thôn Yên Trung, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp.

Trang web: ninhbinh.edu.vn/tdthcsyenson

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực.

Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường THCS có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường THCS Yên Sơn, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu.

Mục tiêu:

Chi tiêu về kết quả học tập và rèn luyện:

- Về kết quả rèn luyện: Xếp loại khá, tốt đạt 99%, trong đó có 96 % trở lên loại tốt.

Không có học sinh xếp loại chưa đạt.

- Về kết quả học lực:

+ Loại tốt 18-20%; loại khá 48-50%; loại đạt 30-31%; không đạt dưới 1,5%.

+ Xét tốt nghiệp THCS: Đạt 98,92% đến 100%.

+ Thi vào lớp 10 THPT: Phần đầu đứng thứ 6 so với các trường THCS trong thành phố, nâng tỉ lệ đỗ vào THPT so với xếp loại trong toàn tỉnh.

Số học sinh được xét công nhận tốt nghiệp THCS: 100%.

Thi vào lớp 10 THPT: Phần đầu trường THCS có học sinh thi đỗ vào lớp 10 các trường THPT đứng thứ 5 toàn thành phố.

Học sinh có kỹ năng sống cơ bản, giao tiếp văn hóa, tự nguyện tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực của học sinh.

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Trung học cơ sở (THCS) Yên Sơn tiền thân là Trường cấp 2 Yên Sơn, được thành lập từ tháng 8 năm 1966. Từ năm học 1975-1976 đến năm học 1992-1993, trường được sát nhập với Trường cấp 1 thành trường Phổ thông cơ sở Yên Sơn. Từ năm học 1993-1994 theo quyết định của sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình, trường Phổ thông cơ sở Yên Sơn được tách riêng thành 2 trường: Trường Tiểu học Yên Sơn và Trường THCS Yên Sơn. Trường thuộc thôn Yên Trung, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Từ ngày đầu thành lập với quy mô ban đầu rất nhỏ bé gồm 3 lớp với gần 120 học sinh và 4 thầy cô giáo, trải qua 57 năm xây dựng và trưởng thành, trường THCS Yên Sơn từng bước có sự phát triển cả về qui mô và chất lượng giáo dục. Được các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân địa phương; sự giúp đỡ của các đơn vị đứng chân trên địa bàn, nhà trường từng bước phấn đấu đi lên một cách vững chắc.

Tháng 03 năm 2024 nhà trường được UBND Tỉnh Ninh Bình ra quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn Quốc Gia mức độ 1 theo quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2024 của UBND tỉnh Ninh Bình. Năm 2024 nhà trường được UBND thành phố

Tam Điệp tặng giấy khen theo quyết định số 269/QĐ-CT ngày 05 tháng 06 năm 2025.

Cơ sở vật chất trường học và trang thiết bị dạy học tiếp tục được tăng cường theo hướng chuẩn hóa; cảnh quan và môi trường học tập của nhà trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện.

Từ khi thành lập cho đến nay các phong trào hoạt động của nhà trường ngày càng phát triển, đội ngũ CBGVNV được bổ sung đầy đủ về cơ cấu, tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Trịnh Ngọc Thuận Số điện thoại: 0976502862

Thư điện tử: trinhthuanguyendg@gmail.com

Tổ chức bộ máy:

Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

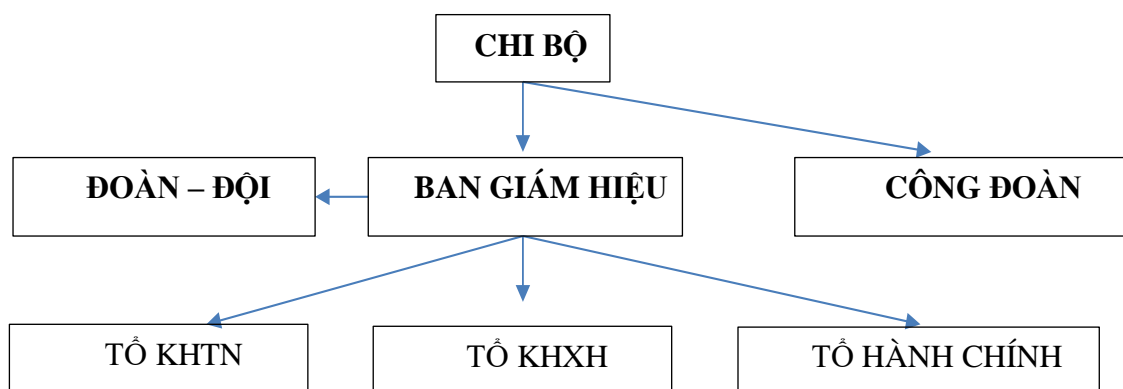
Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 20/QĐ-UBND ngày 27/11/2024

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 1724/QĐ-UBND ngày 20/12/2021

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 42/QĐ-CT ngày 23/01/2025

Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:



Điều 5. Các khoản đóng góp trong nhà trường

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

Thu ngân sách nhà nước năm 2024: 5.219.648.000 đồng

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang:
- Dự toán được giao trong năm: 5.219.648.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 4.383.488.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 836.160.000 đồng;
 - + Dự toán điều chỉnh giảm trong năm: 283.512.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 5.219.648.000 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 5.197.729.279 đồng;
- Tiết kiệm chi: 16.000.000 đồng
- Số dư kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 5.435.321 đồng.

Chi ngân sách: Tổng kinh phí đơn vị đã chi: 5.197.729.279 đồng.

Trong đó:

- * Chi nguồn kinh phí tự chủ: 4. 917.651.679 đồng
 - Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương: 4,450,673,437.00 đồng
 - Chi phúc lợi tập thể: 133. 697.300 đồng
 - Chi thanh toán các dịch vụ công cộng: 32.007.379 đồng
 - Chi mua vật tư văn phòng: 61.940.293 đồng

- Chi thuê mướn: 40.304.100 đồng
- Chi công tác phí: 37.800.000 đồng
- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, thông tin tuyên truyền: 72.644.200 đồng
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn: 54.942.480 đồng
- Chi khác: 33,642,490 đồng
- * Chi nguồn kinh phí không tự chủ: 280,077,600 đồng
- Cấp bù học phí: 4,731,000 đồng
- Chi PC giảng dạy học sinh khuyết tật: 117,453,600 đồng
- Học bổng và hỗ trợ cho HSSV: 19,893,000 đồng
- Chi tiền thưởng theo NĐ 73/NĐCP: 138.000.000 đồng
- * Ngân sách chuyển sang năm sau: 5.435.321 đồng

Nguồn học phí năm 2024:

- Tồn của năm 2023 chuyển sang: 54,739,607 đồng
- Số đã thu thực tế đạt được: 208.916.000 đồng
 - Tổng số tiền đã sử dụng: 243. 452.799 đồng

Chi học phí:

- Chi lương và các khoản PC theo lương: 92.746.000 đồng
- Chi mua vật tư văn phòng: 33.329.000 đồng.
- Chi sửa chữa, mua sắm tài sản: 87.565.000 đồng
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 29.812.799 đồng

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả.

STT	KHOẢN THU	KHỐI 6	KHỐI 7	KHỐI 8	KHỐI 9
1	Các khoản thu theo Công văn				
1.1	Tiền học phí (Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Sửa đổi khoản 2 và bãi bỏ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Tổng 513 000 đồng/ HS/năm)	513 000đ /hs	513 000đ /hs	513 000đ /hs	513 000đ /hs
1.2	Quỹ Đội	20 000đ/hs	20 000đ/hs	20 000đ/hs	20 000đ/hs
1.3	Tiền BHYT(Thời hạn từ 01/01/2025 đến 31/12/2025) Công văn số: 1212/LN-GDĐT-BHXH ngày 23/8/2024 của Liên ngành Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội về việc triển khai BHYT học sinh, học viên năm học 2024-2025	631.800đ/hs	631.800đ/hs	631.800đ/hs	631.800đ/hs
2	Các khoản thu dịch vụ: Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình				
2.1	Tiền học thêm (kỳ I) Thu 7000 đồng/ tiết, học 3 tiết/ buổi và 3 buổi/tuần. (nếu đăng ký)				
2.2	Tiền xe: Thu 9 tháng	90 000đ/HS	90 000đ/HS	90 000đ/HS	90 000đ/HS
3	Các khoản thu hộ Theo công văn số 218/SGDĐT-KHTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số quy định về các khoản thu, chi trong trường học năm học 2024-2025				
3.1	Tiền nước uống thu 9 tháng (10,000đ/HS/tháng)	90 000/HS	90 000/HS	90 000/HS	90 000/HS
3.3	Tiền đồng phục: 1 áo ngắn tay(nếu đăng ký)	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận
	Tiền đồng phục: 1 áo dài tay(nếu đăng ký)	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận
	Tiền đồng phục: mũ trắng(nếu đăng ký)	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận
	Tiền đồng phục: Áo mùa đông(nếu đăng ký)	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận	Thu theo thỏa thuận

Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: miễn học phí theo theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND.

Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính,

Cán bộ quản lý, nhân viên

TT	Môn	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	Hợp đồng	Trình độ chuyên môn			
		Tổng	Nữ				>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1		1			
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	2	2			2		
3	Kế toán	1	1	1		1		1		
4	Văn thư	1		1		1			1	
5	Thủ quỹ	0								
6	Thư viện	1	1	1		1				1
7	TB-PTH	1	1		1					1
8	Y tế	0								
9	Bảo vệ	1				1				1
10	Phục vụ	0								

Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

Cán bộ quản lý 03, đạt chuẩn 100%;

Giáo viên 19, đạt chuẩn 100%

Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Cán bộ quản lý 03, đạt bồi dưỡng 100%;

Giáo viên 19, đạt bồi dưỡng 100%.

Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

Diện tích khu đất xây dựng trường 7879m², Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 18,49m²; Đạt yêu cầu

Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

TT	Nội dung	Số phòng	Ghi chú
1	Phòng học	12	
2	Nhà kho	1	
3	Phòng thư viện	1	
4	Phòng học bộ môn Tin học	1	
5	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	

6	Phòng bộ môn KHTN	2	
7	Phòng bộ môn KHXXH	1	
8	Phòng học bộ môn Công nghệ	1	
9	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	
10	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	
11	Phòng Hiệu trưởng	1	
12	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	
13	Phòng Hội trường	1	
14	Phòng Y tế	1	
15	Phòng Đoàn đội	1	
16	Phòng Công đoàn	1	
17	Phòng Bảo vệ	1	
18	Nhà đa năng	0	
19	Sân thể thao	0	
20	Tổng diện tích đất	7897m ²	
21	Nhà xe giáo viên và học sinh	3	
22	Số máy vi tính	29	
23	Số máy vi tính dùng cho cán bộ quản lý và nhân viên, thư viện	9	
24	Ti vi dùng cho học tập và quản lý	9	
25	Camera	12	
26	Phòng thiết bị dạy học	2	
27	Thư viện xanh	1	
28	Sách tham khảo	Đủ dùng	
29	Internet	VNPT	

Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; Phòng vi tính 20 chiếc;

Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet: 9 chiếc đảm bảo đủ điều kiện học tập

Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 6,7,8,9 thực hiện Chương trình Phổ thông 2018.

Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; (không thực hiện)

Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; (không thực hiện)

Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Anh

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Chỉ tiêu tuyển sinh khối 6 năm học 2025- 2026: 156 học sinh (04lớp)

Hồ sơ tuyển sinh:

- + Đơn xin học (theo mẫu do các Hội đồng tuyển sinh quy định);
- + 02 ảnh 3x4 (01 ảnh dán vào đơn, 01 ảnh dán vào học bạ);
- + Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- + Học bạ cấp tiểu học.

Phương thức và đối tượng tuyển sinh: Xét tuyển

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục số 75/KH-THCS ngày 08/05/2025 của trường THCS Yên Sơn.

Ngày tuyển sinh: 11/06/2025 – 13/06/2025

Số lượng học sinh trúng tuyển: 148 học sinh

Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tuần	Sáng thứ 2	Tổng phụ trách – Hiệu trưởng – GVCN lớp
2	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	BCH Công đoàn
3	Chuyên đề Đội	Tháng 11	Nguyễn Thị Hương
4	Hội khỏe Phù đổng	Tháng 11,12	Lê Thanh Dương Đặng Đình Đô
5	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
6	Giới tính học đường	Tháng 3	Trần Thị Bích
7	Chuyên đề ma túy học học đường, phòng cháy, An toàn giao thông	Tháng 12	Lê Thanh Dương
8	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Tháng 11,12	Trịnh Ngọc Thuận

Thực đơn hàng ngày của học sinh (nếu có). (không)

Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025:

Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Số lớp, số học sinh			Số HS học 2 buổi/ngày	Số HS khuyết tật	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi	HS dân tộc
	Số lớp	Số học sinh						
		Tổng số	Nữ					
6	3	109	51	109	0	1	0	7
7	3	127	71	127	0	2	3	15
8	2	99	52	99	2	0	3	9
9	2	91	44	91	1	0	1	10
Tổng	10	426	218	426	3	3	7	41

Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Kết quả thi HSG các môn văn hóa, Violympic...:

TT	Giải	Văn hóa	TĐTT	Các môn thi trên mạng	Tổng
1	Cấp thành phố	18	07		25
2	Cấp tỉnh	0	02	14	16
3	Cấp quốc gia	0	0	0	0
Tổng					41

Kết quả xếp loại hạnh kiểm và rèn luyện năm học 2024 – 2025

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập								Kết quả rèn luyện					
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa Đạt		Tốt		Khá		Đạt	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		426	93	21.83%	185	43.43%	144	33.80%	1	0.23%	379	88.97%	32	7.51%	12	2.82%
Khối 6		109	26	23.85%	44	40.37%	38	34.86%	1	0.92%	102	93.58%	7	6.42%	0	0.00%
1	6A	36	8	22.22%	15	41.67%	13	36.11%	0	0.00%	33	91.67%	3	8.33%	0	0.00%
2	6B	37	10	27.03%	15	40.54%	11	29.73%	1	2.70%	35	94.59%	2	5.41%	0	0.00%
3	6C	36	8	22.22%	14	38.89%	14	38.89%	0	0.00%	34	94.44%	2	5.56%	0	0.00%
Khối 7		127	29	22.83%	59	46.46%	39	30.71%	0	0.00%	125	98.43%	2	1.57%	0	0.00%
4	7A	43	11	25.58%	18	41.86%	14	32.56%	0	0.00%	43	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
5	7B	42	9	21.43%	18	42.86%	15	35.71%	0	0.00%	40	95.24%	2	4.76%	0	0.00%
6	7C	42	9	21.43%	23	54.76%	10	23.81%	0	0.00%	42	100.00%	0	0.00%	0	0.00%
Khối 8		99	27	27.27%	41	41.41%	28	28.28%	0	0.00%	73	73.74%	15	15.15%	8	8.08%
7	8A	48	11	22.92%	16	33.33%	21	43.75%	0	0.00%	28	58.33%	12	25.00%	8	16.67%
8	8B	48	16	33.33%	25	52.08%	7	14.58%	0	0.00%	45	93.75%	3	6.25%	0	0.00%
Khối 9		91	11	12.09%	41	45.05%	39	42.86%	0	0.00%	79	86.81%	8	8.79%	4	4.40%
10	9A	46	7	15.22%	21	45.65%	18	39.13%	0	0.00%	41	89.13%	3	6.52%	2	4.35%
11	9B	45	4	8.89%	20	44.44%	21	46.67%	0	0.00%	38	84.44%	5	11.11%	2	4.44%

Học sinh lên lớp 425/426 HS đạt 99.76%, (với 01 em rèn luyện lại trong hè)

Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

Học sinh tốt nghiệp lớp 9 đạt 91/91. Đạt tỉ lệ 100%.

Học sinh trúng tuyển THPT năm học 2024-2025 là 44/64 học sinh đạt 68,75%.

Trường THCS Yên Sơn công khai trong trường học năm học 2024 – 2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT TP(báo cáo);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Ngọc Thuận